

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 605/NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 3 năm 2024

V/v báo giá Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí các loại phục vụ
sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên năm 2024

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán *Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí các loại phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên năm 2024*. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.
- Hiệu lực của báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.
- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn - xã Bình Khê - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 15/3/2024.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Phú Cường

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ
(Kèm theo Văn bản số 605 /NĐĐT-KHVT ngày 06/3/2024 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Van tay kết nối mặt bích	Mã hiệu: J41H-40C; DN50-PN1.6MPa, ≤ 425°C (bao gồm: 2 mặt bích, 2 gioăng thép xoắn, 8 bộ bu lông M16x60) của nhà sản xuất Shanghai Ritai Valve Co.,Ltd		Cái	5,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
2	Van tay 2 inch	Mã hiệu: 2GLY25S V3,C40/5[-FP-TFW,] (Yglobe valve; End connection: SW; Size: 2 inch; Class 2500LB; vật liệu: SA105; áp suất: 200bar; nhiệt độ: 395 độ C) của nhà sản xuất Neway		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
3	Van tay 1 1/2 inch	Mã hiệu: 1-1/2GLY25S V3,C40/5[-FP-TFW,] (Yglobe valve; End connection: SW; Size: 1 1/2 inch; Class 2500LB; vật liệu: SA105; áp suất: 200bar; nhiệt độ: 395 độ C) của nhà sản xuất Neway		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
4	Van tay 2 1/2 inch	Mã hiệu: 2-1/2GLY15B16 V3,C40 5[-IWE-TFW,] (Yglobe valve; End connection: BW; Size: 2 1/2 inch; Class 1500SPL; vật liệu: SA105; áp suất: 200bar; nhiệt độ: 371 độ C) của nhà sản xuất Neway		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
5	Van tay 1 inch	Mã hiệu: 1GLP25S,S43/26 (Globe valve; End connection: SW; Size: 1		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		inch; Class 2500LB; vật liệu: SA182/316L; áp suất: 200bar; nhiệt độ: 366 độ C) của nhà sản xuất Neway				thông báo cấp hàng				
6	Van dao (gồm 2 mặt bích + 1 bộ bu lông + 1 bộ guzông)	Mã hiệu: PZ43W-10NR (quy cách: DN250; L: 70mm; D0: 360mm; D1: 320mm; D2: 350mm; H: 630mm; áp suất: PN10; vật liệu: SUS310S; nhiệt độ làm việc ≥ 1000 độ C) (12 lỗ bu lông M20 cách đều; bao gồm: van + 02 mặt bích + 24 bộ gu rông + 02 gioăng thép xoắn chịu nhiệt tương ứng) của nhà sản xuất Shanghai Xionggong Valve Co., Ltd		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
7	Xích tải xi	Mã hiệu: SZ150B.1 (Quy cách: vật liệu mắt xích ZG40Mn2; trục 40 Cr; bước xích: 250 mm; độ cứng bề mặt xích: HB260; tốc độ làm việc: $\leq 0,26$ m/s; công suất: 80-100 t/h) của nhà sản xuất Sinoma (Shangrao) Machinery Co., Ltd (Lắp đặt cho băng xích mã hiệu: SL500x32000 mm của nhà sản xuất Sinoma (Shangrao) Machinery Co., Ltd - Chi tiết theo bản vẽ mã hiệu SL500.2)		m	130,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
8	Van tay quay kết nối mặt bích	Mã hiệu: Z41H-40 (DN100-PN40; nhiệt độ làm việc ≥ 100 độ C) của nhà sản xuất Shanghai Hualong		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Valve				cấp hàng				
9	Van cổng	Mã hiệu: SZL-300 (kích thước: 300x300mm) của nhà sản xuất Shanghai Pengtian Electric Equipment Co.,Ltd		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
10	Van một chiều 1/2 inch	Mã hiệu: CH0024E-00 (A2958) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống MD pump 80/8/8; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (theo như bản vẽ CHT1783B-00; CHT1784B-00; CHT1785B-01 đính kèm))		Cái	26,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
11	Van định cầu	Mã hiệu: P30332D-00 (Kinetrol actuator pipe dome valve - Van định cầu DN80 PHV, bao gồm cơ cấu chấp hành Kinetrol) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống MD pump 80/8/8; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (theo như bản vẽ CHT1783B-00, CHT1784B-00,		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
12	Van bướm điều khiển khí nén bao gồm cả bộ điều khiển	CHT1785B-01 đính kèm)) Bao gồm 2 phần: - Van nã hiệu: ACM-125 (DN125, PN10Mpa, nhiệt độ ≥ 80 độ C) của nhà sản xuất Shanghai Shangxian Valve Manufacturing Co.,Ltd - Bộ điều khiển khí nén tác động đơn mã hiệu: AS100 của nhà sản xuất Shanghai Shangxian Valve Manufacturing Co.,Ltd		Bộ	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
13	Van định cầu DN250	Mã hiệu: P30675-00 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống MD pump 80/8/8; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
14	Van cánh bướm	Mã hiệu: D41W-16C (DN100-PN1.6MPa, chịu nhiệt $\leq 350^{\circ}\text{C}$) của nhà sản xuất Shuangda Valve Co.,Ltd		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
15	Xích máy cấp than ngang	Mã hiệu: MG-80SC (công suất 80t/h; dài công suất: 20÷88 t/h; tốc độ của xích: $\leq 0,22$ m/s; chiều dài mắt xích: 200 mm; khoảng cách mắt xích: 200 mm) của nhà sản xuất Shenyang Stock Electric Power		m	50,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Equipment Co., Ltd, bao gồm:- Thanh gạt nghiêng mã hiệu: MG 100.3-1 (vật liệu: ZG 310-570; số lượng: 84 thanh);- Thanh gạt đứng mã hiệu: MG 100.3-2 (vật liệu: ZG 310-570; số lượng: 166 thanh);- Bộ chốt xích (vật liệu: ZG 310-570; số lượng: 250 bộ).								
16	Cụm hộp giảm tốc và động cơ	Gồm 2 thành phần:- 01 Hộp giảm tốc mã hiệu: R137DRS160M4/DTW của nhà sản xuất SEW; - 01 động cơ công suất 11 kW, 380-420 V, tần số 50 Hz, rpm 1460/16 của nhà sản xuất SEW.		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
17	Van dao cơ cấu điều khiển khí nén	Mã hiệu: PZ673 Y-150LbP của nhà sản xuất Dalian DV Valve Co.,Ltd		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
18	HGT vuông góc kiểu mặt bích	Mã hiệu: KAF87AM90/DTW/DRS90L4/TH/A(B)/C/2W Công suất: 2.2KW; Tỷ số truyền: 174:19; Motor có trang bị bảo vệ quá nhiệt, nón che, trục phụ để gá đĩa cảm biến. Tốc độ: 1400/8 v/p; M2max=2700Nm; Đường kính trục âm: D60; Đường		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		kính bích: D350; Bulong bích: 4 lỗ D17.5 tọa độ D300; Kết cấu lắp: M4; Hộp đấu dây: 270° của nhà sản xuất SEW								
19	Hộp giảm tốc	Mã hiệu: KAF97AD132S4/TH/B/C/DTW; Động cơ 5,5 kW, 380-420V, 50Hz, rpm 1445/14 của nhà sản xuất SEW		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
20	Xích tải hộp giảm tốc bộ thổi bụi	Mã hiệu: 10A-1-86 (tiêu chuẩn GB/T1243-1997; có bước xích P=5/8 inch, bao gồm 61 mắt xích/cái) của nhà sản xuất Zhejiang Lemond Power Equipment Co., Ltd		Cái	11,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
21	Cụm căng xích tải hộp giảm tốc bộ thổi bụi	Mã hiệu: N1/21588D của nhà sản xuất Zhejiang Lemond Power Equipment Co., Ltd		Bộ	12,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
22	Đầu phun bộ thổi bụi	Mã hiệu: PS-SL (thiết kế mặt bích: DN80/ANSI; vật liệu thân van: GS-17CrMo55; số đầu phun: L8) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
23	Van an toàn	Mã hiệu: N1/47424B-1-1/4inch của nhà sản xuất Clyde Huatong Valve (Beijing) Co.,Ltd		Cái	5,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
24	Van dao	Thông số kỹ thuật: DN100-PN16; bao gồm: 02 mặt bích, 02 gioăng thép xoắn, bu lông và guzông kèm theo; nhiệt độ làm việc 1000 độ C; vật liệu: SUS310S		Cái	12,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			
25	Van cân bằng DN80-PN10	Mã hiệu: P30332D-00 (áp suất $\geq 1,0\text{MPa}$; nhiệt độ làm việc $\geq 200^\circ\text{C}$) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
26	Pittong Cylinder	Mã hiệu: P22457E (quy cách: $\varnothing 100 \times 250$, $P = 1 \div 16\text{bar}$) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
27	Cụm nén quạt sục BK6008	Mã hiệu: BK6008 (công suất 30 kW; lưu lượng $15 \text{ Nm}^3/\text{min}$; áp suất đầu ra 60 kPa) của nhà sản xuất B-Tohin Machine (Jiangsu) Co., Ltd		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
28	van một chiều 1 inch	Mã hiệu: CH0025E-00 (A2969) của nhà sản xuất Clyde Huatong		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		(Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống MD pump 80/8/8 (áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (theo như bản vẽ CHT1783B-00; CHT1784B-00; CHT1785B-01 đính kèm))				thông báo cấp hàng				
29	van một chiều 3 inch	Mã hiệu: CH0884D-00 (A3533) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống MD pump 80/8/8 (áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (theo như bản vẽ CHT1783B-00; CHT1784B-00; CHT1785B-01 đính kèm))		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
30	Van tay hàn đối đầu DN25	Mã hiệu: J61H-320 (DN25-PN320, 425°C) của nhà sản xuất Shanghai Shanggao Valve Group Co.,Ltd		Cái	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
31	Van tay hàn đối đầu DN20	Mã hiệu: J61H-320 (DN20-PN320, 425°C) của nhà sản xuất Shanghai Shanggao Valve Group Co.,Ltd		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
32	Van tay hàn đối đầu DN50	Mã hiệu: J61H-160 (DN50, PN160, 425°C) của nhà sản xuất Shanghai Shangao Valve Group Co.,Ltd		Cái	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
33	Van xả động đường hơi tái	Mã hiệu: PADS21500PS (Size: 2"; Class 1500; kích thước đầu vào 57x3,5mm; kích thước đầu ra: 76x3,5 mm) nhà sản xuất Copeland Industries Inc		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
34	Van xả động bản thể tuabin 2-1/2 inch	Gồm 2 phần: 01 body Mã hiệu: B09-9076Z-06TS-D 2-1/2" của nhà sản xuất VELAN và 01 cơ cấu điều khiển loại DO; Size: 56H; Port size 1/2" của nhà sản xuất FluoroSeal		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
35	Van xả động bản thể tuabin 1-1/2 inch	- Phần body mã hiệu: B07-8076Z-06TS-C 1-1/2" của nhà sản xuất VELAN; - Phần cơ cấu điều khiển loại DO; Size: 45H; Port size 1/2" của nhà sản xuất FluoroSeal		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
36	Van một chiều	Kiểu van: H47T-10C; Kích thước: DN400; Áp suất PN16, Nhiệt độ làm việc ≤ 80 độ C		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			
37	Van điện	Kiểu van: van bướm; Vật liệu: HT200; Kích thước DN400; Áp suất làm việc PN10; bao gồm cơ cấu điều khiển on-off bằng điện, 02 mặt bích, bu lông, ốc kèm theo		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
38	Van một chiều DN500	Mã hiệu: H76X-16; (DN: 500; PN: 1.6 Mpa) của nhà sản xuất JS		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
39	Van một chiều DN 200	Mã hiệu: DN 200-100 De=159,0 se=7,0; Bao gồm cơ cấu điều khiển khí nén; Kiểu SCV của nhà sản xuất Adams (theo bản vẽ mã hiệu 203385-03-30A01-000)		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
40	Van tay	Mã hiệu: SH-6NBW12-G (áp suất tối đa 450 Bar; nhiệt độ tối đa 650°C; dạng điều khiển: Tay quay; kết nối: Kiểu hàn măng xông (SW)) của nhà sản xuất Shanghai Maogong Valve		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
41	Bộ làm mát sơ cấp	Mã hiệu: TZ01A của nhà sản xuất Suzhou Saihua Apparatus Monitoring Co.,Ltd có đặc tính, thông số kỹ thuật như sau: - Chịu nhiệt độ đến 650°C. - Chịu được áp lực đến 32Mpa; - Diện tích trao đổi nhiệt: $\geq 0,176m^2$; - Đường ống nước làm mát: Ø22x2,5mm; - Vật liệu: SUS 316. - Bao gồm cụm van điều chỉnh lưu lượng.		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
42	Bộ làm mát	Mã hiệu: SC-D8M12-320P của nhà		Cái	4,00	45 ngày kể	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	thứ cấp	sản xuất Suzhou Saihua Apparatus Monitoring Co.,Ltd có đặc tính, thông số kỹ thuật như sau: - Chịu nhiệt độ đến 650oC; - Chịu được áp lực đến 32Mpa; - Điện tích trao đổi nhiệt: $\geq 0,439\text{m}^2$; - Đường ống nước làm mát: $\varnothing 22 \times 2,5$ mm; - Vật liệu: SUS316. - Bao gồm cụm van điều chỉnh lưu lượng.				từ ngày có thông báo cấp hàng				
43	Bơm nước thải khử khoáng	Kiểu bơm: Bơm tự hút (Self-Priming Pump) Bơm bao gồm bộ móng sắt, động cơ kèm theo Lưu lượng: 80 m ³ /h Cột áp: 30 mH ₂ O Vật liệu thân và cánh bơm: SUS316L của nhà sản xuất KSB		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
44	Bơm chuyển tiếp nước thải công nghiệp	Kiểu bơm: bơm trục đứng; Bơm bao gồm bộ móng sắt, động cơ kèm theo Lưu lượng: 30m ³ /h Áp lực: 25 mH ₂ O Vật liệu thân và cánh bơm: SUS316L của nhà sản xuất KSB		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
45	Van an toàn khớp nối thủy lực YOX 400	Thông số kỹ thuật: loại van an toàn; M12x15, bước ren 1,5mm lắp cho khớp nối thủy lực YOX400 của nhà sản xuất YOX		Cái	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
46	Van tay kết nối mặt bích DN100	Mã hiệu: J41H-16C (DN100-PN1,6 Mpa; nhiệt độ làm việc ≤ 425 độ C) (bao gồm: 2 mặt bích, 2 gioăng thép xoắn, 16 bộ bu lông M16x60) của nhà sản xuất Shanghai Ritai Valve Co.,Ltd		bộ	5,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
47	Tấm đập (Impact Rocker)	Mã hiệu: 601979 của nhà sản xuất FAM (chỉ tiết số 1 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Tám	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
48	Thanh nghiền (Impact Bar)	Mã hiệu: 601989 của nhà sản xuất FAM (chỉ tiết số 10 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Thanh	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
49	Tấm nghiền 601814 (Impact Plate-Grinding Rocker)	Mã hiệu: 601814 của nhà sản xuất FAM (chỉ tiết số 11 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Tám	5,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
50	Tấm nghiền 601815	Mã hiệu: 601815 của nhà sản xuất FAM (chỉ tiết số 12 trên bản vẽ		Tám	1,00	45 ngày kể từ ngày có	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	(Impact Plate-Grinding Rocker)	SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)				thông báo cấp hàng				
51	Búa nghiền (Blow Bar 800)	Mã hiệu: 9062910 của nhà sản xuất FAM (chi tiết số 2 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Thanh	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
52	Tấm nghiền (Impact Plate Hous Front Part)	Mã hiệu: 601988 của nhà sản xuất FAM (chi tiết số 9 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Tấm	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
53	Tấm lót (Wear Steel Plate Under)	Mã hiệu: 601982 của nhà sản xuất FAM (chi tiết số 3 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Tấm	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
54	Tấm lót (Wear Steel Plate Cage Front Part)	Mã hiệu: 601983 của nhà sản xuất FAM (chi tiết số 4 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Tấm	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
55	Tấm lót (Wear Steel Plate Cage Rear Part)	Mã hiệu: 601984 của nhà sản xuất FAM (chi tiết số 5 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM		Tấm	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		0808 PM của nhà sản xuất FAM)								
56	Tấm lót (Wear Steel Plate Cage Front)	Mã hiệu: 601985 của nhà sản xuất FAM (chi tiết số 6 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Tám	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
57	Tấm lót (Wear Steel Plate Cage Front Side)	Mã hiệu: 601986 của nhà sản xuất FAM (chi tiết số 7 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Tám	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
58	Tấm lót (Inlet Wear Steel Plate)	Mã hiệu: 601987 của nhà sản xuất FAM (chi tiết số 8 trên bản vẽ SECTION WEAR PARTS, lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu PM 0808 PM của nhà sản xuất FAM)		Tám	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
59	Đai ốc khóa (Flex Lock Nut .625 NC)	Mã hiệu: IM13071 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	94,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
60	Tấm chống mòn (Wear Plate - Inspection Door)	Mã hiệu: AA045500 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tám	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
61	Tấm chống mòn (Wear)	Mã hiệu: AA045600 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt		Tám	4,00	45 ngày kể từ ngày có	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Plate - Side - Door Side)	cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)				thông báo cấp hàng				
62	Tấm chống mòn (Wear Plate - Door - Top)	Mã hiệu: AA045700 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tám	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
63	Tấm chống mòn (Wear Plate - Side and Top)	Mã hiệu: AB085700 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tám	3,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
64	Tấm chống mòn (Wear Plate - Dome)	Mã hiệu: EC205008000B của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tám	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
65	Tấm chống mòn (Wear Plate - Base - Feed End)	Mã hiệu: AA032100 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tám	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
66	Tấm chống mòn (Wear Plate - Lower - Feed End)	Mã hiệu: AC03530AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tám	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
67	Tấm chống mòn (Wear Plate - Upper - Feed End)	Mã hiệu: AC03540AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tấm	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
68	Bộ nắp che (Shroud Assembly - Feed End)	Mã hiệu: AC03550AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
69	Tấm chống mòn (Wear Plate - Lower - Shaft End)	Mã hiệu: AC03590AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
70	Tấm chống mòn (Wear Plate - Upper - Shaft End)	Mã hiệu: AC036100 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
71	Bộ nắp che (Shroud Assembly - Shaft End)	Mã hiệu: AC036200 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
72	Đai ốc (Hex Nut .625 NC)	Mã hiệu: 1M19071 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu		Cái	36,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)				cấp hàng				
73	Đai ốc (Hex Nut .750 NC)	Mã hiệu: 1M19081 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	40,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
74	Vòng đệm (Medium Flat Washer .625 Diameter)	Mã hiệu: 1N01080 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	36,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
75	Vòng đệm (Medium Flat Washer .750 Diameter)	Mã hiệu: 1N01090 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	40,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
76	Dây curoa	Mã hiệu: 408V1900 lắp đặt cho máy nghiền đá với GUNDLACH 40B2C4R589 của hãng sản xuất: Terra Source Global		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
77	Cụm nén quạt sục BK5003	Mã hiệu: BK5003 (tốc độ quạt 1000 RPM, lưu lượng 2,31m3/min, áp suất 60kPa) của nhà sản xuất B - Tohin Machine (Jiangsu) Co., Ltd		Cụm	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
78	Van cấp liệu kiểu quay	Bao gồm: hộp giảm tốc, động cơ, van cấp liệu với thông số: - Mặt bích kết nối: 315x315mm (8 lỗ bu lông		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo	6 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		M10÷M12); - Khoảng cách 2 mặt bích: 325±2mm; - Tốc độ van: 20-30 RPM;- Kiểu van: trục nằm ngang;- Dung tích van: 10-15L;- Công suất động cơ: ≥ 0,75 kW; - Điện áp định mức: 380 V;- Tần số định mức: 50Hz.				cấp hàng				
79	Pittong khí nén	Kích thước: 350x350x655 (Chi tiết số 12 lắp cho van Mã hiệu PZ673Y-150LBP trong bản vẽ 418320160-1651A-DV1) của Dalian DV Valve Co.,Ltd		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
80	Gioăng cao su lắp cho van đỉnh cầu DN80	Mã hiệu: P19081C-00 (Dome valve insert seal - Gioăng cao su van đỉnh cầu DN80; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
81	Gioăng cao su lắp cho van đỉnh cầu DN250	Mã hiệu: P2936A-01 (Dome valve insert seal - Gioăng cao su van đỉnh cầu DN250) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		đỉnh cầu DN250 hệ thống D pump 100/12/10/10 PFA (áp suất làm việc 1,0 MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)								
82	Gioăng cao su lắp cho van đỉnh cầu DN300	Mã hiệu: P1826C-01 (Dome valve insert seal - Gioăng cao su van đỉnh cầu DN300) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN300 hệ thống D pump 100/12/10/10 PFA (áp suất làm việc 1,0 MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
83	Vành làm kín van đỉnh cầu DN250	Mã hiệu: CP29618D-00 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống D pump 100/12/10/10 PFA của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
84	Mặt đỉnh cầu lắp cho van đỉnh cầu DN250	Mã hiệu: CP2957A-00 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống D pump 100/12/10/10		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		PFA của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)								
85	Bộ vật tư sửa chữa van đỉnh cầu DN200	Mã hiệu: M3231 (Dome valve seal & bearing kit - Bộ vật tư bảo dưỡng van đỉnh cầu DN200; bao gồm 9 chi tiết) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (sử dụng cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống MD pump 80/8/8 (áp suất làm việc 1,0 MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Bộ	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
86	Bộ vật tư sửa chữa van đỉnh cầu DN250	Mã hiệu: M3670 (Dome valve seal & bearing kit - Bộ vật tư bảo dưỡng van đỉnh cầu DN250; bao gồm 9 chi tiết) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (sử dụng cho van đỉnh cầu DN250 hệ thống D pump 100/12/10/10 PFA (áp suất làm việc 1,0 MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Bộ	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
87	Bộ vật tư sửa chữa	Mã hiệu: M3233 (Dome valve seal & bearing kit - Bộ vật tư bảo dưỡng		Bộ	4,00	45 ngày kể từ ngày có	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	van đỉnh cầu DN300	van đỉnh cầu DN300; bao gồm 9 chi tiết) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (sử dụng cho van đỉnh cầu DN300 hệ thống D pump 100/12/10/10 PFA (áp suất làm việc 1,0 MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)				thông báo cấp hàng				
88	Vành đỡ van đỉnh cầu DN200	Mã hiệu: CP29617D-00 (Dome valve spigot ring - Vành đỡ van đỉnh cầu DN200; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
89	Vành chèn khí nén van đỉnh cầu DN200	Mã hiệu: CP29616D-00 (Dome valve insert ring - Vành chèn khí van đỉnh cầu DN200; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
90	Mặt đỉnh cầu lắp cho van đỉnh cầu DN200	MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd) Mã hiệu: CP1158B-00 (Dome valve dome - Mặt đỉnh cầu DN200; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 của hệ thống D pump 50/8/8/8 PFA của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
91	Mặt bích lắp cho van đỉnh cầu DN200	Mã hiệu: CP29669D-00 (Dome valve top plate - Mặt bích van đỉnh cầu DN200) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống MD pump 80/8/8 (áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
92	Gioăng cao su van đỉnh cầu DN200	Mã hiệu: P17460C-01 (Dome valve insert seal - Gioăng cao su van đỉnh cầu DN200; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials		Cái	26,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
93	Gioăng chỉ lắp cho van đỉnh cầu DN200	Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd) Mã hiệu: M5206 (Dome valve O' ring - Gioăng chữ O van đỉnh cầu DN200; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	9,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
94	Gioăng bìa chịu nhiệt lắp cho van đỉnh cầu DN200, dày 0,4mm	Mã hiệu: P5462E-00 (Dome valve shim, non asbestos - Gioăng chèn van đỉnh cầu DN200; loại không amiang; dày 0,4 mm; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	14,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
95	Gioăng bìa	Mã hiệu: P5467E-00 (Dome valve		Cái	14,00	45 ngày kể	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	chịu nhiệt lắp cho van đỉnh cầu DN200, dày 0,8mm	shim, non asbestos - Gioăng chèn van đỉnh cầu DN200; loại không amiang; dày 0,8 mm; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)				từ ngày có thông báo cấp hàng				
96	Gioăng bìa chịu nhiệt lắp cho van đỉnh cầu DN200, dày 1,5mm	Mã hiệu: P5467E-00 (Dome valve shim, non asbestos - Gioăng chèn van đỉnh cầu DN200; loại không amiang; dày 1,5 mm; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	14,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
97	Vành làm kín lắp cho van cân bằng DN80	Mã hiệu: CP29613D-00 (Dome valve spigot ring - Vành đỡ van đỉnh cầu DN80; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)								
98	Vành đỡ lắp cho van cân bằng DN80	Mã hiệu: CP29612D-00 (Dome valve insert ring - Vành chèn khí van đỉnh cầu DN80; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
99	Mặt đỉnh cầu lắp cho van cân bằng DN80	Mã hiệu: CP18639C-00 (Dome valve dome - mặt đỉnh cầu DN80; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
100	Mặt bích van cân bằng DN80	Mã hiệu: CP29665D-00 (Dome valve top plate - Mặt bích van đỉnh cầu DN80; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
101	Trục nối van cân bằng DN80	Mã hiệu: CP18637D-00 (Dome valve coupling - Trục nối van đỉnh cầu DN80; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
102	Trục truyền động van cân bằng DN80	Mã hiệu: CP18584E-00 (Dome valve pivot shaft - Trục truyền động van đỉnh cầu DN80; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)								
103	Bộ gioăng điều chỉnh van cân bằng DN80	Mã hiệu: M3422 (Dome valve shim - gioăng điều chỉnh van đỉnh cầu DN80; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
104	Gioăng cao su van cân bằng DN80	Mã hiệu: P19081C-00 (Dome valve insert seal - Gioăng cao su van đỉnh cầu DN80; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	18,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
105	Gioăng chì lắp cho van	Mã hiệu: M5203 (Dome valve O' ring - Gioăng chữ O van đỉnh cầu		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	cân bằng DN80	DN80; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)				thông báo cấp hàng				
106	Gioăng bìa chịu nhiệt lắp cho van cân bằng DN80, dày 0,4mm	Mã hiệu: P2120A-55C (Dome valve shim, non asbestos - gioăng chèn van đỉnh cầu DN80; loại không amiăng; dày 0,4 mm; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	7,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
107	Gioăng bìa chịu nhiệt lắp cho van cân bằng DN80, dày 0,8mm	Mã hiệu: P2120A-55B (Dome valve shim, non asbestos - gioăng chèn van đỉnh cầu DN80; loại không amiăng; dày 0,8 mm; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co.,		Cái	7,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
108	Gioăng bìa chịu nhiệt lắp cho van cân bằng DN80, dày 1,5mm	Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd) Mã hiệu: P2120A-55A (Dome valve shim, non asbestos - gioăng chèn van đỉnh cầu DN80; loại không amiang; dày 1,5 mm; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN80 PHV mã hiệu P30332D-00; hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	7,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
109	Gioăng cao su van đỉnh cầu DN150 CBH	Mã hiệu: P4665B-01 (Dome valve insert seal - gioăng cao su van đỉnh cầu DN150) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN150 PFA mã hiệu P30663D-00 (Kinetrol actuator dome valve) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
110	Mặt đỉnh	Mã hiệu: CP4677B-00 (Dome valve		Cái	2,00	45 ngày kể	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	cầu lắp cho van đỉnh cầu DN150	dome - Mặt đỉnh cầu DN150; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN150 PFA mã hiệu P30663D-00 (Kinetrol actuator dome valve) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)				từ ngày có thông báo cấp hàng				
111	Vành đỡ van đỉnh cầu DN150	Mã hiệu: CP29615D-00 (Dome valve spigot ring - Vành đỡ van đỉnh cầu DN150; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN150 PFA mã hiệu P30663D-00 (Kinetrol actuator dome valve) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
112	Vành chèn khí nén van đỉnh cầu DN150	Mã hiệu: CP29614D-00 (Dome valve insert ring - Vành chèn khí van đỉnh cầu DN150; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co.,		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN150 PFA mã hiệu P30663D-00 (Kinetrol actuator dome valve) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd								
113	Gioăng cao su van đỉnh cầu DN150	Mã hiệu: P4665B-01 (Dome valve insert seal - Gioăng cao su van đỉnh cầu DN150; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN150 PFA mã hiệu P30663D-00 (Kinetrol actuator dome valve) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
114	Gioăng chỉ lắp cho van đỉnh cầu DN150	Mã hiệu: M5205 (Dome valve O' ring - Gioăng chữ O van đỉnh cầu DN150; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN150 PFA mã hiệu P30663D-00 (Kinetrol actuator dome valve) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
115	Gioăng bìa chịu nhiệt lắp cho van đỉnh cầu DN150, dày 0,4mm	Handling Co., Ltd Mã hiệu: P5471E-00 (Dome valve shim, non asbestos - Gioăng chèn van đỉnh cầu DN150; loại không amiang; dày 0,4 mm; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN150 PFA mã hiệu P30663D-00 (Kinetrol actuator dome valve) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
116	Gioăng bìa chịu nhiệt lắp cho van đỉnh cầu DN150, dày 0,8mm	Mã hiệu: P5466E-00 (Dome valve shim, non asbestos - Gioăng chèn van đỉnh cầu DN150; loại không amiang; dày 0,8 mm; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN150 PFA mã hiệu P30663D-00 (Kinetrol actuator dome valve) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
117	Gioăng bìa	Mã hiệu: P5461E-00 (Dome valve		Cái	2,00	45 ngày kể	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	chịu nhiệt lắp cho van đỉnh cầu DN150, dày 1,5mm	shim, non asbestos - Gioăng chèn van đỉnh cầu DN150; loại không amiang; dày 1,5 mm; áp suất 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN150 PFA mã hiệu P30663D-00 (Kinetrol actuator dome valve) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)				từ ngày có thông báo cấp hàng				
118	Bộ gioăng chèn cơ cầu chấp hành van	Mã hiệu: A1390 (Pmax=100Psi/7bar; nhiệt độ làm việc 20÷90°C) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd		Bộ	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
119	Bộ làm kín đường nước làm mát mặt cầu van đỉnh cầu	Mã hiệu: M1172 (O' shaft ring - Gioăng chữ O làm kín trục van đỉnh cầu DN200) của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 hệ thống AV pump 3.0/8/5/-PH3 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
120	van 1 chiều 1/2 inch	Mã hiệu: CH0024E-00 (A2958) của nhà sản xuất Clyde Huatong		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		(Beijing) Materials Handling Co., Ltd (lắp đặt cho hệ thống MD pump 80/8/8; áp suất làm việc 1,0MPa; nhiệt độ làm việc 200°C của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd (theo như bản vẽ CHT1783B-00; CHT1784B-00; CHT1785B-01 đính kèm))				thông báo cấp hàng				
121	Bộ lọc dầu	Mã hiệu: SPL-25 (0,1Mpa, 5m³/h, 85°C) của nhà sản xuất Xinxiang Lifeierte Filter Co.,Ltd		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
122	Bộ lọc khí	Mã hiệu: QAF4000 (đầu giác co 1/2"; áp lực max 1MPa) của nhà sản xuất Shanghai Xingyick Pneumatic Engineering Co.,Ltd		Bộ	5,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
123	Cốc lọc khí	Mã hiệu: QAF4000 của nhà sản xuất Shanghai Xing Yick Pneumatic Engineering Co., Ltd		Cái	5,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
124	Cốc lọc dầu	Mã hiệu: QAL4000 của nhà sản xuất Shanghai Xing Yick Pneumatic Engineering Co., Ltd		Cái	5,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
125	Lọc khí 39903281	Mã hiệu: 39903281 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	18,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
126	Lọc khí 39903265	Mã hiệu: 39903265 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	30,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
127	Lọc dầu 92888262	Mã hiệu: 92888262 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	18,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
128	Lọc tách 54509435	Mã hiệu: 54509435 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	9,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
129	Ổng dẫn dầu từ bộ phân ly dầu về bộ làm mát máy nén khí M350	Mã hiệu: 89245823 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	3,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
130	Bộ làm mát dầu ra máy nén khí vận chuyển	Mã hiệu: 22084750 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
131	Bạc cách bánh răng tăng nén số 1	Mã hiệu: 39489968 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
132	Bạc cách bánh răng tầng nén số 2	Mã hiệu: 39489976 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
133	Vòng côn hãm bánh răng tầng nén số 1	Mã hiệu: 39497862 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
134	Vòng côn hãm bánh răng tầng nén số 2	Mã hiệu: 39497870 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
135	Nắp chặn côn tầng nén số 1	Mã hiệu: 39489836 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
136	Nắp chặn côn tầng nén số 2	Mã hiệu: 39489844 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
137	Phốt 89292445	Mã hiệu: 89292445 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
138	Gioăng chữ O	Mã hiệu: 59186002 của nhà sản xuất Ingersoll rand		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
139	Bộ chuyển đổi áp suất 4756090300 1	Mã hiệu: 47560903001 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
140	Bộ chuyển đổi áp suất 4756090400 1	Mã hiệu: 47560904001 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
141	Cảm biến áp suất 4756090500 1	Mã hiệu: 47560905001 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	3,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
142	Can nhiệt 38433546	Mã hiệu: 38433546 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	3,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
143	Công tắc nhiệt độ 37952264	Mã hiệu: 37952264 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
144	Lọc khí E7-44	Mã hiệu: E7-44; (Quy cách: Ø83x670, ren kết nối M8) của nhà sản xuất Zhenbensi Filter Co.,Ltd		Cái	16,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
145	Lọc dầu 39911615	Mã hiệu: 39911615 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
146	Can nhiệt 39921713	Mã hiệu: 39921713 của nhà sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
147	Bộ điều khiển nhiệt độ	Mã hiệu: XMTD-700W của nhà sản xuất Yuyao Taining Instrument Co., Ltd		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
148	Lọc dầu G35	Mã hiệu: VSF50-G35 của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
149	Giấy lọc dầu	Quy cách: 300x300x0,6mm; vật liệu: PP, PE		Tờ	1800,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			
150	Phin lọc dầu bôi trơn tuabin	Mã hiệu: DQ350BW25H0.8S của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
151	Phin lọc dầu đường tái sinh	Mã hiệu: EH 30-150-207 của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
152	Phin lọc dầu đường tái sinh	Mã hiệu: DL 009001 của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
153	Phin lọc dầu đường dầu hồi	Mã hiệu: DR405EA03V/-W của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
154	Phin lọc dầu đầu ra bơm dầu	Mã hiệu: DP602EA03V/-W của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
155	Phin lọc dầu đầu vào các van điều chỉnh	Mã hiệu: DP301EA10V/-W của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	7,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
156	Lọc dầu HC100	Mã hiệu: DFDKBH/HC100 của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
157	Phin lọc khí	Mã hiệu: SD200-CD-11; (độ mịn 2µm) của nhà sản xuất Beijing SDL Technology Co.,Ltd		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
158	Cốc lọc gồm cả lõi lọc	Mã hiệu: SG-M-6H-03 của nhà sản xuất Xinxiangshi Huayu Filter Co.,Ltd		Cái	30,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)
159	Vải lọc dầu	Mã hiệu: SOS-1 (1,52mx5mm, định lượng 0,47kg/m2) của nhà sản xuất Enretech		m2	20,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
160	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: NSNH210R40E.7W21 của nhà sản xuất Nanjing Industrial Pump Factory		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
161	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: DYKB-35 của nhà sản xuất SDMS Seal Co., Ltd		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
162	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: SYM-65/50HY của SDMS Seal Co.,Ltd		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
163	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: NSNH1500R50E.7W21 của nhà sản xuất Nanjing Industrial Pump Factory		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
164	Tết chèn X012-852354-002 (13A)	Chi tiết số 13A trên bản vẽ X012-852354-002 của nhà sản xuất VELAN (lắp cho van 18 inch, class 2500 của nhà sản xuất VELAN)		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
165	Tết chèn X012-852354-002 (13B)	Chi tiết số 13B trên bản vẽ X012-852354-002 của nhà sản xuất VELAN (lắp cho van 18 inch, class 2500 của nhà sản xuất VELAN)		Cái	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
166	Tết chèn X023-852354-001 (13A)	Chi tiết số 13A trên bản vẽ X023-852354-001 của nhà sản xuất VELAN (lắp cho van 14 inch, class 2500 của nhà sản xuất VELAN)		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
167	Tết chèn X023-852354-001 (13B)	Chi tiết số 13B trên bản vẽ X023-852354-001 của nhà sản xuất VELAN (lắp cho van 14 inch, class 2500 của nhà sản xuất VELAN)		Cái	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
168	Gioăng thép 12B7100X032	Mã hiệu: 12B7100X032 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 2 inch; kiểu van: HPT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
169	Tết chèn RPACKX00122	Mã hiệu: RPACKX00122 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 2 inch; Kiểu van: HPT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Bộ	5,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
170	Gioăng thép 12B6755X012	Mã hiệu: 12B6755X012 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van control 2 inch; kiểu van: HPS nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
171	Gioăng thép 12B6756X012	Mã hiệu: 12B6756X012 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van control 2 inch Fisher; kiểu van: HPS nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
172	Tết chèn RPACKX00112	Mã hiệu: RPACKX00112 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van control 2 inch; Kiểu van: HPS nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Bộ	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
173	Gioăng thép 12B7100X132	Mã hiệu: 12B7100X132 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 2 inch; kiểu van: HPT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
174	Gioăng thép 12B7100X132	Mã hiệu: 12B7100X132 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van control 2 inch; kiểu van: HPT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
175	Tết chèn RPACCKX00112	Mã hiệu: RPACCKX00112 của nhà sản xuất Emerson (lắp cho van control Fisher; 2 inch; Kiểu van: HPS của nhà sản xuất Emerson)		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
176	Tết chèn RPACCKX00032	Mã hiệu: RPACCKX00032 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 3 inch; Kiểu van: EHT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
177	Gioăng thép 26A5320X012	Mã hiệu: 26A5320X012 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 3 inch; kiểu van: EHT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
178	Tết chèn EBC-6020L	Chi tiết số 6 trên bản vẽ EBC-6020L của nhà sản xuất Everest Valve (lắp cho van bướm điều chỉnh (butterfly control valve) với kích thước 20 inch của nhà sản xuất Everest Valve)		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
179	Tết chèn	Chi tiết số 7 trên bản vẽ EBC-6020L		Cái	6,00	45 ngày kể	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	EBC-6020L	của nhà sản xuất Everest Valve (lắp cho van bướm điều chỉnh (butterfly control valve) với kích thước 20 inch của nhà sản xuất Everest Valve)				từ ngày có thông báo cấp hàng				
180	Tết chèn EBC-6022L	Chỉ tiết số 6 trên bản vẽ EBC-6022L của nhà sản xuất Everest Valve (lắp cho van bướm điều chỉnh (butterfly control valve) với kích thước 22 inch của nhà sản xuất Everest Valve)		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
181	Tết chèn EBC-6022L	Chỉ tiết số 7 trên bản vẽ EBC-6022L của nhà sản xuất Everest Valve (lắp cho van bướm điều chỉnh (butterfly control valve) với kích thước 22 inch của nhà sản xuất Everest Valve)		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
182	Bộ vật tư sửa chữa pittông	Mã hiệu: QA/8160D/00 (Quy cách: Ø160x250mm) của nhà sản xuất Norgren (lắp đặt cho hệ thống D pump 100/12/10/10 PFA của nhà sản xuất Norgren)		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
183	Tết chèn thổi bụi (bao gồm 7 vòng tết chèn)	Mã hiệu: SCB6-02SA; Kích thước: 80x60x10mm của nhà sản xuất An Yang Electricity Company		Bộ	120,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
184	Vành chèn cơ khí MG1-60-RM	Mã hiệu: MG1-60-RM của nhà sản xuất Wuxi Gumide Sealing Technology Co., Ltd		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
185	Bộ vật tư sửa chữa Pittong Cylinder	Mã hiệu: QA/8100D/00 (bao gồm 11 chi tiết) của nhà sản xuất Norgren		Bộ	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
186	Vành chèn cơ khí 110-70	Mã hiệu: 110-70 của nhà sản xuất Shanghai lehe fluid machinery Co., Ltd		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
187	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: Cartex -SN/90-00/AQ1EMG của nhà sản xuất EagleBurgmann		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
188	Vành chèn cơ khí M7N/90	Mã hiệu: M7N/90-00/Q1AEGG của nhà sản xuất EagleBurgmann		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
189	Vành chèn cơ khí ZU 44-45	Mã hiệu: ZU 44-45 của nhà sản xuất Dongfang Yoyik Engineering Co., Ltd		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
190	Vành chèn cơ khí DFB100-80-230	Mã hiệu: DFB100-80-230 của nhà sản xuất Zigong Chuanmi Co., Ltd		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
191	Vành chèn cơ khí HSNH440Q 2-46NZ	Mã hiệu: HSNH440Q2-46NZ của nhà sản xuất Dongfang Yoyik Engineering Co., Ltd		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
192	Vành chèn cơ khí HSNH80Q-46NZ	Mã hiệu: HSNH80Q-46NZ của nhà sản xuất Dongfang Yoyik Engineering Co., Ltd		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
193	Tết chèn 10x10	Mã hiệu: Isartherm-Flex EKIN 6050/EKIN (kích thước: 10x10mm) của nhà sản xuất EagleBurgmann		Kg	21,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
194	Tết chèn 16x16	Mã hiệu: Isartherm-Flex EKIN 6050/EKIN (kích thước: 16x16mm) của nhà sản xuất EagleBurgmann		Kg	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
195	Tết chèn 9x9	Mã hiệu: Isartherm-Flex EKIN 6050/EKIN Kích thước: 9x9 mm của nhà sản xuất: EagleBurgmann		Kg	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
196	Tết chèn 8x8	Mã hiệu: Isartherm-Flex EKIN 6050/EKIN Kích thước: 8x8 mm của nhà sản xuất: EagleBurgmann		Kg	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
197	Tết chèn 7x7	Mã hiệu: Isartherm-Flex EKIN 6050/EKIN Kích thước: 7x7 mm của nhà sản xuất: EagleBurgmann		Kg	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
198	Tết chèn 6x6	Mã hiệu: Isartherm-Flex EKIN 6050/EKIN Kích thước: 6x6 mm của nhà sản xuất Eagle Burgmann		Kg	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
199	Tết chèn 5x5	Mã hiệu: Isatherm-Flex KIN 6050/KIN Kích thước: 5x5 mm của nhà sản xuất Eagle Burgmann		Kg	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
200	Tết chèn 4x4	Mã hiệu: Isatherm-Flex EKIN 6050/EKIN Kích thước: 4x4 mm của nhà sản xuất EagleBurgmann		Kg	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
201	Tết chèn	Tết chèn (Kích thước: 56/40x8 chỉ tiết số 176 trên bản vẽ O.C58545MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG)		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
202	Vòng làm kín	Vòng làm kín (Kích thước: 120/109x15 chỉ tiết số 53 trên bản vẽ O.C58545MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
203	Vòng làm kín	Chi tiết số 227 trên bản vẽ O.C58545MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
204	Trục van	Chi tiết số 115 trên bản vẽ O.C58545MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
205	Cối van	Chi tiết số 220 trên bản vẽ O.C58545MEa của van DN 80, PN		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG				thông báo cấp hàng				
206	Ống lót	Chi tiết số 140 trên bản vẽ O.C58545MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
207	Ống lót	Chi tiết số 141 trên bản vẽ O.C58545MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
208	Ống lót	Chi tiết số 121 trên bản vẽ O.C58545MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
209	Ê cu bắt giữ ống lót	Chi tiết số 122 trên bản vẽ O.C58545MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
210	Tết chèn	Tết chèn (Kích thước: 48/32x8 chi tiết số 176 trên bản vẽ O.C58546MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG)		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
211	Vòng làm kín	Vòng làm kín (Kích thước: 105/95x15 chi tiết số 53 trên bản vẽ O.C58546MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
212	Vòng làm kín	Vòng làm kín (Kích thước: 102/94x10 chỉ tiết số 227 trên bản vẽ O.C58546MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
213	Cối van	Chỉ tiết số 220 trên bản vẽ O.C58546MEa của van DN 80, PN 320 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
214	Trục van	Chỉ tiết số 102 trên bản vẽ O.C58546MEa của van DN 80, PN 320 do hãng Welland & Tuxhorn AG sản xuất		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
215	Tết chèn	Tết chèn (Kích thước: 48/32x8 chỉ tiết số 176 trên bản vẽ O.C58549MEa của van DN 125, PN 40 do hãng Welland & Tuxhorn AG sản xuất)		Cái	3,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
216	Vòng làm kín	Vòng làm kín (Kích thước: 184,5/160x3 chỉ tiết số 53 trên bản vẽ O.C58549MEa của van DN 125, PN 40 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
217	Vòng làm kín	Chỉ tiết số 219 trên bản vẽ O.C58549MEa của van DN 125, PN 40 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
218	Cối van	Chỉ tiết số 220 trên bản vẽ		Cái	1,00	45 ngày kể	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		O.C58549MEa của van DN 125, PN 40 do hãng Welland & Tuxhorn AG sản xuất				từ ngày có thông báo cấp hàng				
219	Trục van	Chi tiết số 102 trên bản vẽ O.C58549MEa của van DN 125, PN 40 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
220	Tết chèn	Tết chèn (Kích thước: 48/32x8 chi tiết số 176 trên bản vẽ O.C58548MEa của van DN 125, PN 40 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
221	Vòng làm kín	Vòng làm kín (Kích thước: 184,5/160x3 chi tiết số 53 trên bản vẽ O.C58548MEa của van DN 125, PN 40 do của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
222	Vòng làm kín	Chi tiết số 219 trên bản vẽ O.C58548MEa của van DN 125, PN 40 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
223	Cối van	Chi tiết số 220 trên bản vẽ O.C58548MEa của van DN 125, PN 40 của nhà sản xuất Welland & Tuxhorn AG		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
224	Trục van	Chi tiết số 104 trên bản vẽ O.C58548MEa của van DN 125, PN 40 của nhà sản xuất Welland &		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Tuxhorn AG				cấp hàng				
225	Vành chắn dầu	Mã hiệu: STM56-2 (quy cách: Ø160x26mm) của nhà sản xuất Shanghai Electric Machinery Co., Ltd		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
226	Vành chắn dầu	Kích thước: Đường kính trong x đường kính ngoài x độ dày: 200x230x26mm (Lắp cho động cơ: Kiểu: YSPKK630-4W-TH Điện áp: 6.6kV Công suất: 2240KW của nhà sản xuất Xiangtan Electric Manufacturing)		Cái	16,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			
227	Vành chèn cơ khí EMG1/35	Mã hiệu: EMG1/35-G6/A/ESIC-Q7 EGG/Y10 của nhà sản xuất EagleBurgmann		Cái	33,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
228	Vành chèn cơ khí EMG1/25	Mã hiệu: EMG1/25-G6/A/ESIC-Q7 EGG/Y10 của nhà sản xuất EagleBurgmann		Cái	17,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
229	Vành chèn cơ khí M7N-70	Mã hiệu: M7N-70 của nhà sản xuất EagleBurgmann		Cái	5,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
230	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: EMG1-53/G6 của nhà sản xuất EagleBurgmann		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)

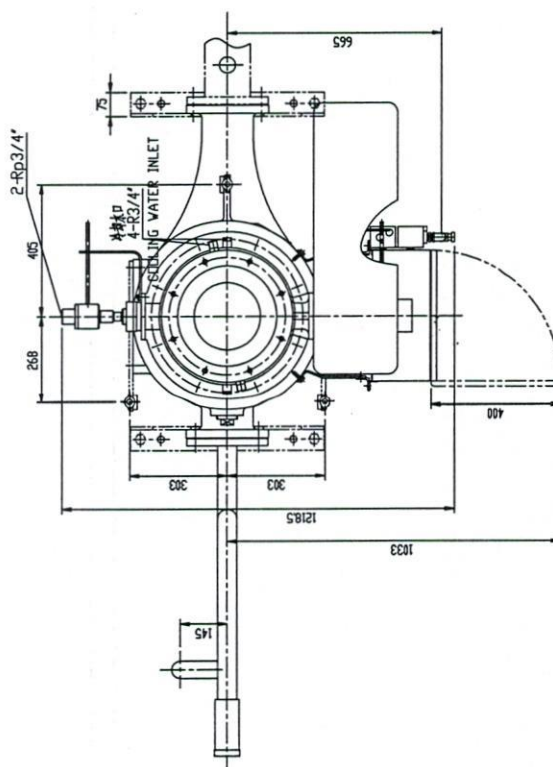
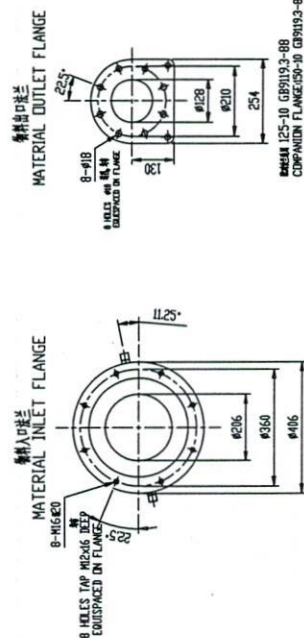
STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	EMG1-53/G6					thông báo cấp hàng				
231	Vành chèn cơ khí M37G/35	Mã hiệu: M37G/35-00-R Q12Q1EGG1 của nhà sản xuất EagleBurgmann		Cái	3,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
232	Bộ vật tư bảo dưỡng bơm 880	Mã hiệu: KPDRABJAACC của nhà sản xuất Pulsafeeder (lắp cho bơm mã hiệu 880 của nhà sản xuất Pulsafeeder)		Bộ	3,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
233	Bộ vật tư bảo dưỡng bơm 880-S-E (BKAACC)	Mã hiệu: KPDRABKAACC của nhà sản xuất Pulsafeeder (lắp cho bơm mã hiệu 880-S-E của nhà sản xuất Pulsafeeder)		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
234	Bộ vật tư bảo dưỡng bơm 7660-S-E	Mã hiệu: KPGBCBFACCC của nhà sản xuất Pulsafeeder (lắp cho bơm mã hiệu 7660-S-E của nhà sản xuất Pulsafeeder)		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
235	Bộ vật tư bảo dưỡng bơm	Mã hiệu: KPDRACNAAII của nhà sản xuất Pulsafeeder		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
236	Bộ vật tư sửa chữa pitt tông	Mã hiệu: QA/8200B/00 của hãng sản xuất Norgren		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
237	Vành chèn	Mã hiệu: RM-E1 của nhà sản xuất		Cái	1,00	45 ngày kể	/			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	cơ khí RM-EI	Wuxi Gumide Sealing Technology Co., Ltd				từ ngày có thông báo cấp hàng				
238	Vành chèn cơ khí YM109-25	Mã hiệu: YM109-25 của nhà sản xuất Wuxi Gumide Sealing Technology Co., Ltd		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
Tổng										
Thuế GTGT										
Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)										
Bảng chữ:										

Ghi chú:

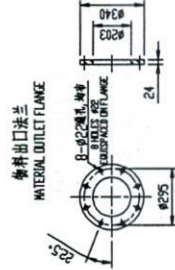
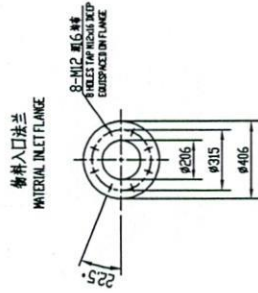
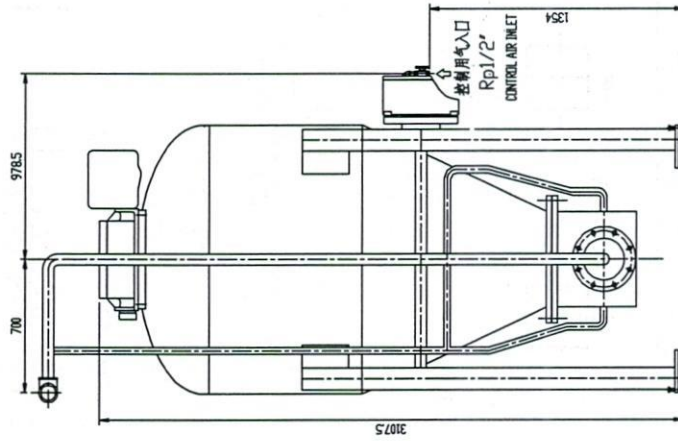
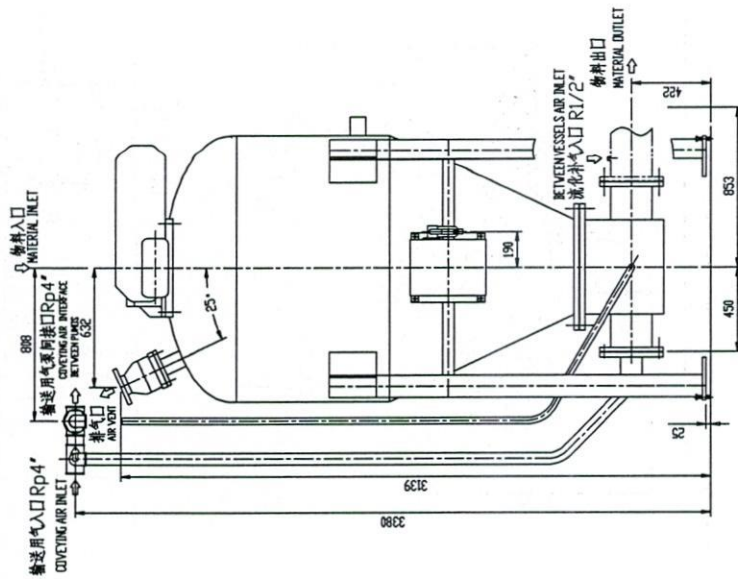
- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.

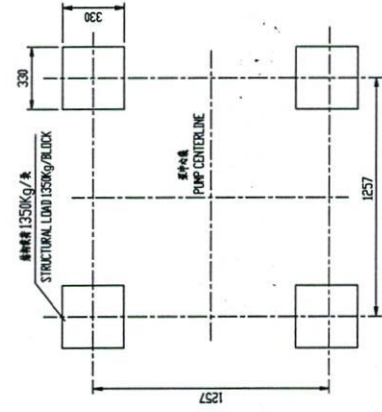
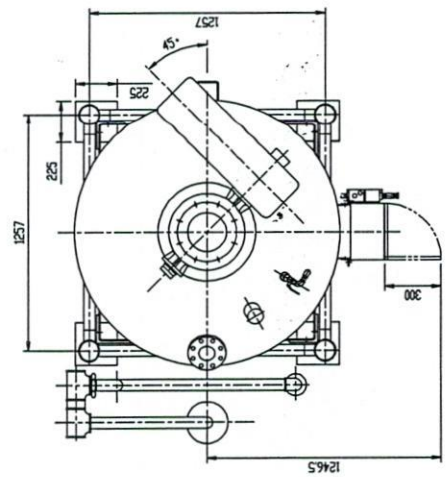


1. 最大工作力 0.7MPa
MAXIMUM WORKING PRESSURE : 0.7MPa
2. 最大工作温度 480℃
MAXIMUM WORKING TEMPERATURE : 200℃
3. 最大重量 470kg
FULL ASH WEIGHT : 580kg
4. 安装方法见说明书 见说明书
ACCORDING TO THE PROJECT REQUIREMENT
CHOOSE THE CORRECT MOUNTING
SUPPORTING FITTING OR SUSPEND FITTING

DATE	11/1/01	BY	17	DATE	11/1/01
DESCRIPTION	3/4" 8/5-PHS-AVE 1/2"	QUANTITY	1.7	DESCRIPTION	CHT1703R-00
REVISION	MASTER PUMP	ENGINEER		REVISION	
PROJECT	3/4" 8/5-PHS-AVE 1/2"	DRAWING NO.		PROJECT	
克萊頓貝尔格曼华通物料输送有限公司			克萊頓貝尔格曼华通物料输送有限公司		

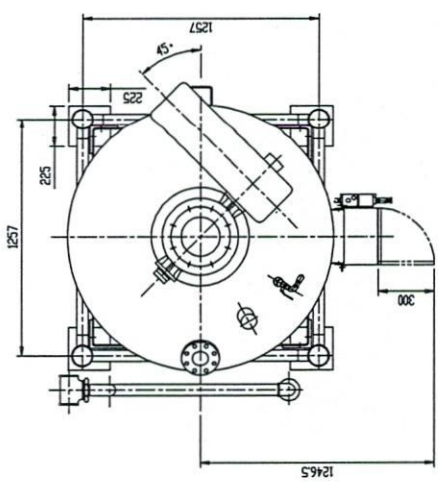
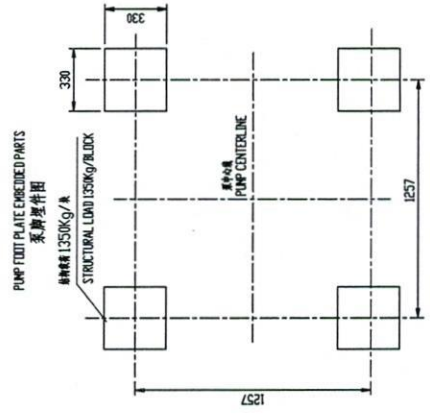
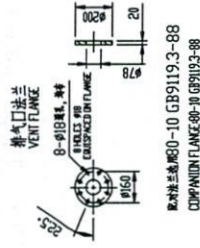
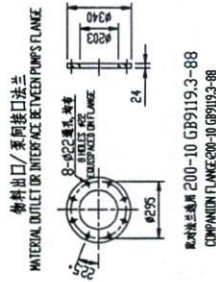
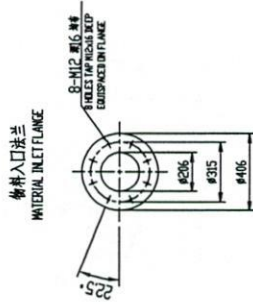
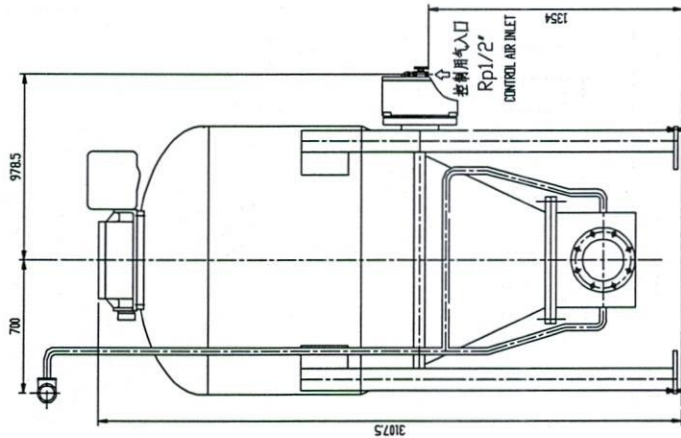
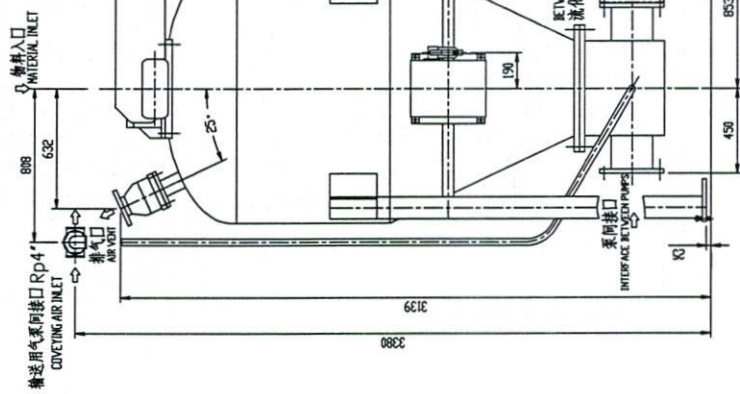


泵脚板件图
PUMP FOOT PLATE DIMENSION PARTS



最大工作压力: 0.7 MPa/1.0 MPa
MAXIMUM PRESSURE: 0.7 MPa/1.0 MPa
最大工作温度: 200 °C
MAXIMUM TEMPERATURE: 200 °C
最大额定重量: 3500 Kg
MAXIMUM WEIGHT: 3500kg

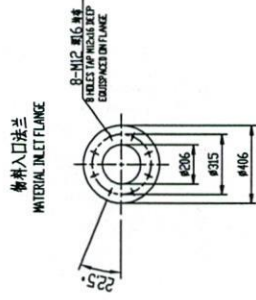
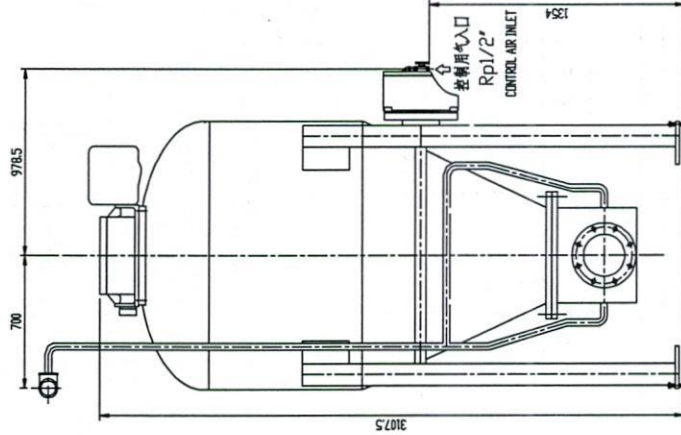
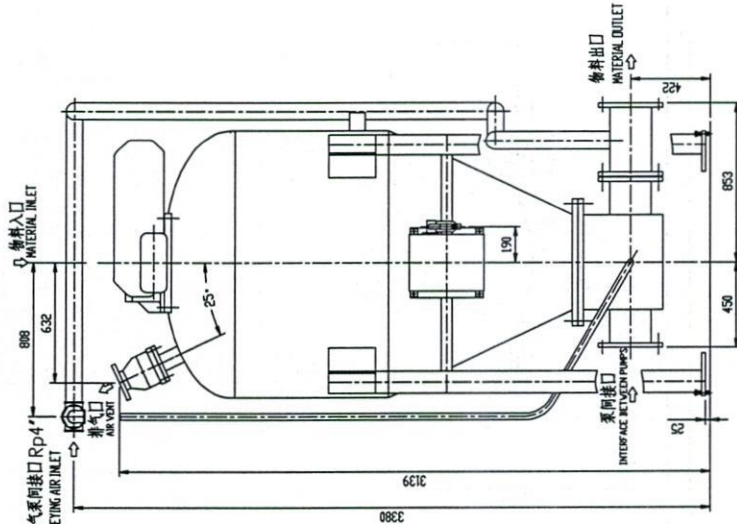
CLYDE BERGMANN HEATING MATERIALS HANDLING CO. LTD		克萊德貝爾格曼華通物料輸送有限公司	
型號	MD 80/8/8 MASTER PUMP	圖號	CHT17838-00
規格	80/8/8 MDM 主泵	比例	1:12
單位	個	數量	02



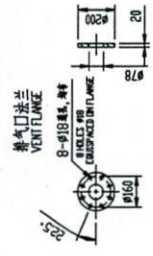
最大工作压力: 0.7 MPa/1.0MPa
MAXIMUM PRESSURE: 0.7MPa/1.0MPa
最大工作温度: 200 °C
MAXIMUM TEMPERATURE: 200°C
最大额定重量: 3500 KG
MAXIMUM WEIGHT: 3500KG

CLYDE BERGMANN HUA TUNG MATERIALS HANDLING CO., LTD.	
克萊德貝爾格曼華通物料輸送有限公司	
圖號	MD 80/8/8 SLAVE PUMP
圖名	80/8/8MD 泵 副泵
圖示	1:12
圖號	CHT1784B-00
圖號	圖號 02

输送用气泵同接口 Rp4" 物料入口
COVERING AIR INLET MATERIAL INLET



物料出口法兰 200-10 GB9119.3-88
COMP HUB FLANGE 200-10 GB9119.3-88



物料法兰 200-10 GB9119.3-88
COMP HUB FLANGE 200-10 GB9119.3-88

最大工作压力: 0.7 MPa/10MPa
MAXIMUM PRESSURE: 0.7MPa/10MPa
最大工作温度: 200 °C
MAXIMUM TEMPERATURE: 200°C
最大净重量: 3500 KG
MAXIMUM WEIGHT: 3500KG

PUMP FOOT PLATE ENDSIDE PARTS

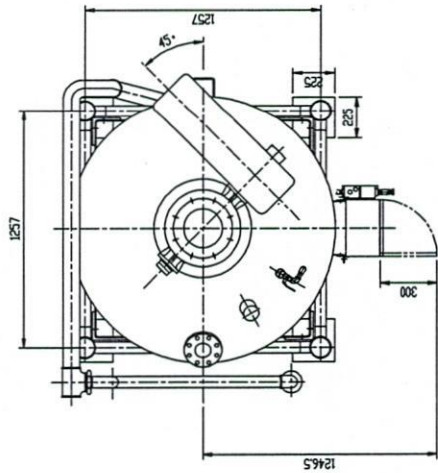
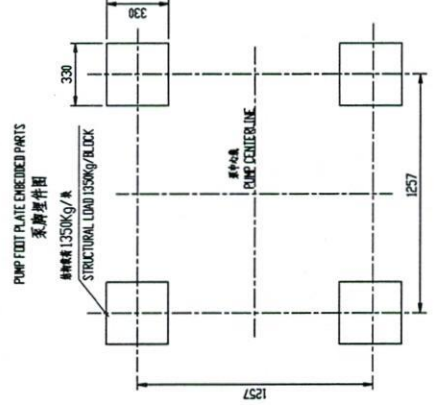
泵脚零件图

材料 1350kg/块

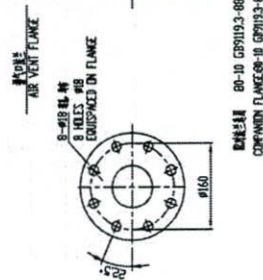
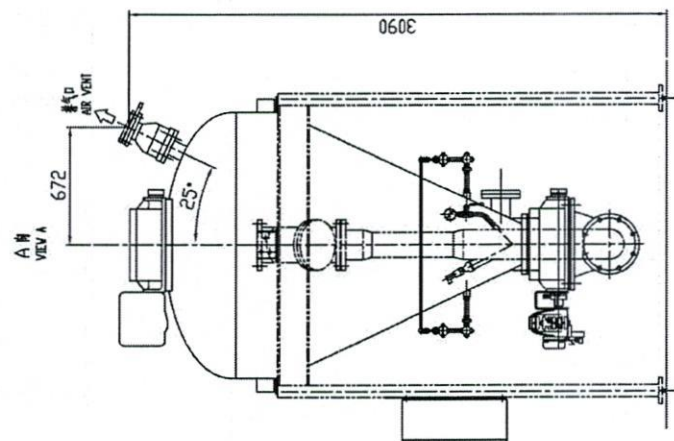
STRUCTURAL LOAD 1350kg/BLOCK

泵中心线

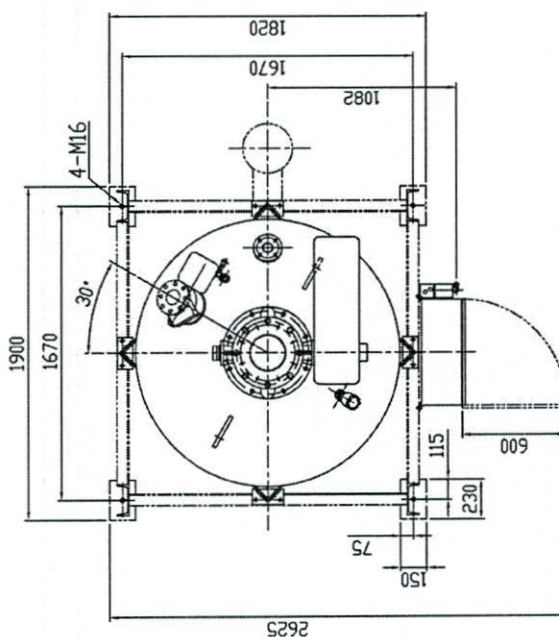
PUMP CENTERLINE



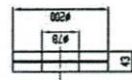
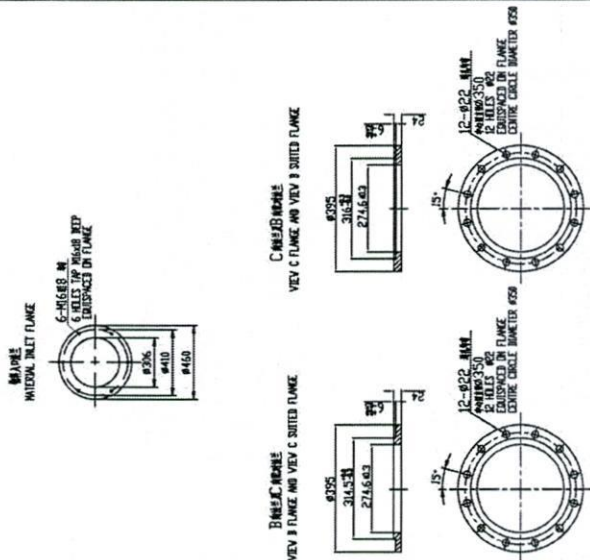
		CLYDE BERGEMANN HANDLING MATERIALS HANDLING CO., LTD.	
克萊德貝爾格曼華通物料輸送有限公司		克萊德貝爾格曼華通物料輸送有限公司	
圖名	圖號	比例	圖紙編號
MD 80/8/8 OUTLET PUMP	80/8/8MD 出口泵	1:12	CHT1785B-01
圖名	圖號	比例	圖紙編號
MD 80/8/8 OUTLET PUMP	80/8/8MD 出口泵	1:12	CHT1785B-01



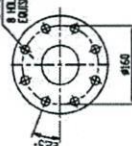
1. 最大静負荷 1.0MPa
MAXIMUM PRESSURE : 1.0MPa
2. 最大温度 200°C
MAXIMUM TEMPERATURE : 200°C
3. 最大重量 3000kg
MAXIMUM WEIGHT : 3000kg



图号	CLYDE BERGMANN HUATING		克萊德貝爾格曼亨通物料輸送有限公司		CLYDE BERGMANN HUATING MATERIALS HANDLING CO.LTD	
圖名	Approval				Project 工程	
圖樣	Checking			Title 名稱	50/8/8/8 PFA D 渠 D PUMP	
圖樣	designer					
圖樣	計					
圖樣	Scale	1:20	Drawing No 圖號	CHT7233B-00		
圖樣	編			Issue 版數	01	



DATE 80-10 GB9119.3-88
COMPANY FLANGE 80-10 GB9119.3-88

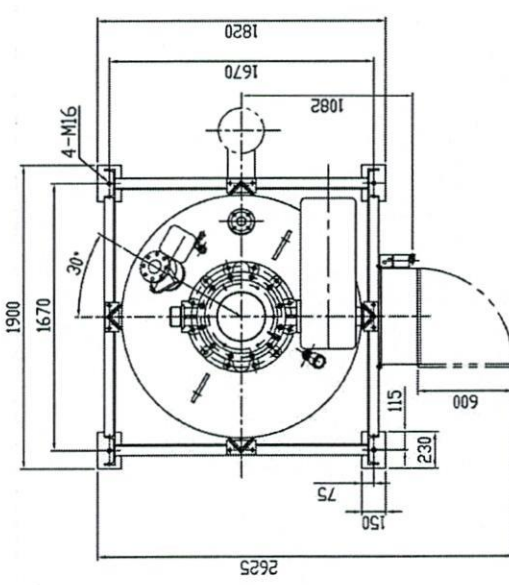
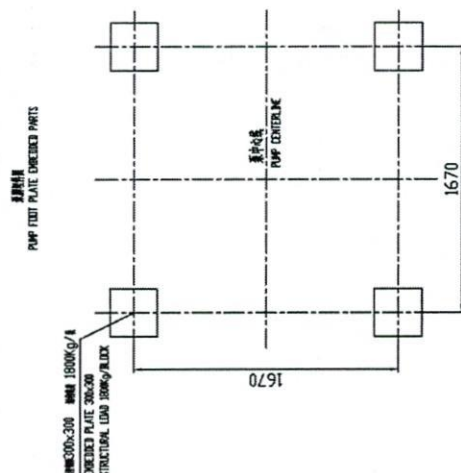


B-B
DIRECTION OF ORIGIN PLATE
水流開口方向

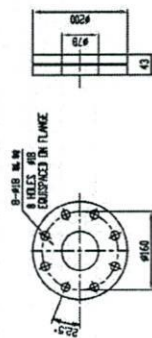
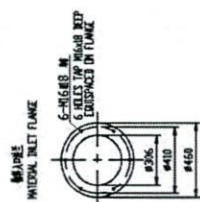
1. 最大圧力 1.0MPa
MAXIMUM PRESSURE : 1.0MPa

2. 最大温度 200°C
MAXIMUM TEMPERATURE : 200°C

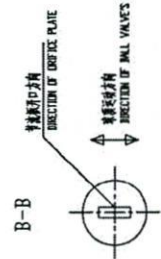
3. 最大重量 4800kg
MAXIMUM WEIGHT : 4800kg



工号	克萊德貝爾格曼格通物料輸送有限公司			Project 工程
核准	Approval	Title	100/12/10/10 PFA D Ⅱ D PUMP	Issue 版数
核准	Checking	名 称		
核准	designer			
核准	Scale	1:20	CHT2785B-00	
核准	Scale	1:20	CHT2785B-00	01



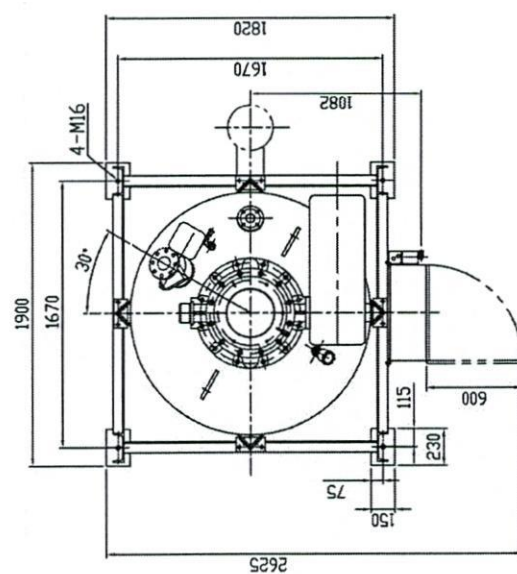
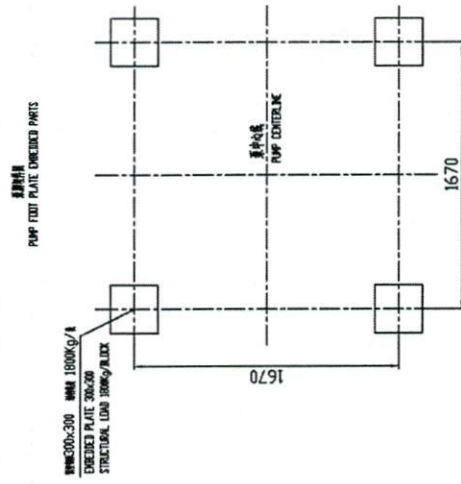
DATE 80-10 GB9119.3-88
COMPANION FLANGE 80-10 GB9119.3-88



1. 最大壓力 1.0MPa
MAXIMUM PRESSURE : 1.0MPa

2. 最大溫度 200°C
MAXIMUM TEMPERATURE : 200°C

3. 最大重量 4800kg
MAXIMUM WEIGHT : 4800kg



日期	2014		Project	100/12/8/8 PFA DI
姓名	克萊德貝爾格曼		Title	DI PUMP
姓名	克萊德貝爾格曼		Drawing No	CHT2769B-00
姓名	克萊德貝爾格曼		Scale	1:20
姓名	克萊德貝爾格曼		Issue No	01